

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*  
*đã được soát xét*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>5 – 38</b>
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 38

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cho thuê tài sản;

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch	
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên	
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên	
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên	
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/6/2020
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/6/2020

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hưng Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Hoàng Tuấn**

Số : 248./2020/BCSX/AASCN.PB

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán  
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc

Phó Giám đốc



Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

#### Headquarters

29, Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

#### The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi  
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429  
Email: admin@namvietpb.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>588.235.872.243</b>	<b>645.368.230.849</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>3.541.843.338</b>	<b>2.293.185.723</b>
1.	Tiền	111		3.541.843.338	2.293.185.723
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>38.650.740.000</b>	<b>-</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		38.650.740.000	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>472.226.531.261</b>	<b>594.377.374.898</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	217.187.656.450	394.567.562.107
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.796.643.628	1.856.527.244
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	261.635.060.503	206.346.114.867
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(8.392.829.320)	(8.392.829.320)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>72.828.938.410</b>	<b>48.242.835.689</b>
1.	Hàng tồn kho	141		73.186.859.229	48.615.713.774
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(357.920.819)	(372.878.085)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>987.819.234</b>	<b>454.834.539</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	309.442.080	443.270.162
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		678.377.154	11.564.377
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.140.879.516.229</b>	<b>2.089.769.780.054</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.06	-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	-	-
	- Nguyên giá	222		8.947.550.000	8.947.550.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.947.550.000)	(8.947.550.000)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>2.140.852.011.462</b>	<b>2.089.648.083.027</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		1.300.881.197.297	1.245.280.328.928
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		487.855.359.720	487.855.359.720
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		428.039.382.183	424.577.382.183
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(75.923.927.738)	(68.064.987.804)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.504.767</b>	<b>121.697.027</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	27.504.767	121.697.027
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.729.115.388.472</b>	<b>2.735.138.010.903</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>652.391.334.310</b>	<b>663.184.226.184</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>652.238.201.810</b>	<b>663.029.593.684</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	345.365.263.762	320.813.812.402
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	255.131.779.196	290.314.256.098
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	343.120.390	248.133.491
4.	Phải trả người lao động	314		423.028.883	938.977.644
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	79.081.260
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	108.107.954	324.323.864
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.859.621.179	1.303.288.390
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	48.291.761.986	48.292.202.075
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		715.518.460	715.518.460
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>153.132.500</b>	<b>154.632.500</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.11	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	153.132.500	154.632.500
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.076.724.054.162</b>	<b>2.071.953.784.719</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>2.076.724.054.162</b>	<b>2.071.953.784.719</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.721.683.671	3.721.683.671
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.002.420.491	69.232.151.048
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		69.232.151.048	59.391.530.153
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.770.269.443	9.840.620.895
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.729.115.388.472</b>	<b>2.735.138.010.903</b>

Hưng Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Bích

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

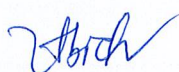
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	233.398.191.041	141.979.700.690
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	28.578.000	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		233.369.613.041	141.979.700.690
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	213.391.890.978	137.176.757.369
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.977.722.063	4.802.943.321
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	152.303.039	3.695.325
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	9.907.304.173	11.441.000.811
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.048.364.239	2.087.121.695
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.909.824.317	2.395.132.845
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	3.486.718.520	3.300.616.230
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.826.178.092	(12.330.111.240)
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	47.404.267	152.943.079
12.	Chi phí khác	32	VI.07	103.312.916	6.704.108
13.	Lợi nhuận khác	40		(55.908.649)	146.238.971
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.770.269.443	(12.183.872.269)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.770.269.443	(12.183.872.269)

Hưng Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Bích

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		4.770.269.443	(12.183.872.269)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		-	-
-	Các khoản dự phòng	03		7.843.982.668	9.270.117.116
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.053.039)	(3.695.325)
-	Chi phí lãi vay	06		2.048.364.239	2.087.121.695
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		14.659.563.311	(830.328.783)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(60.507.289.140)	323.901.557.831
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.571.145.455)	19.579.113.079
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(10.606.720.525)	102.651.945.520
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		228.020.342	245.901.492
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(38.650.740.000)	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(2.127.445.499)	(2.104.098.884)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(121.575.756.966)	443.444.090.255
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	VII.01	(59.210.470.000)	(498.599.359.720)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VII.01	182.032.271.631	51.990.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.053.039	3.695.325
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		122.824.854.670	(446.605.664.395)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		27.953.702.783	33.082.614.753
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(27.954.142.872)	(35.560.749.342)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(440.089)</b>	<b>(2.478.134.589)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.248.657.615</b>	<b>(5.639.708.729)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>2.293.185.723</b>	<b>6.891.565.854</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>3.541.843.338</b>	<b>1.251.857.125</b>

Hưng Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Bích

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cho thuê tài sản;

**04. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại Công Hà Nội	Số 96 Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- Danh sách các công ty con đầu tư trực tiếp bao gồm:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ (%)</b>	<b>Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ</b>	
			<b>Cuối kỳ (%)</b>	<b>Đầu năm (%)</b>
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	60,00	60,00	60,00
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	89,70	89,70	89,70
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	82,75	82,75	82,48
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	100,00	80,00	80,00

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ (%)	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	79,34	79,34	79,34
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	Số 79 đường Violet, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, Lào Cai	95,70	70,00	70,00
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	76 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	70,00	70,00	70,00
+ Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng	99,53	99,53	0,00

- Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ (%)	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00	35,00	35,00
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Số nhà 35 đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước	100,00	40,00	40,00
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	43R/12 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	33,75	33,75	33,75

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 26 người).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Công ty là Công ty mẹ của các Công ty con. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

#### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết*

*Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

*Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### **04. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 06 năm

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đã bán; dịch vụ đã cung cấp và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

### **01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	3.541.843.338	2.293.185.723
+ <i>Tiền mặt</i>	16.859.346	103.746.700
+ <i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</i>	3.524.983.992	2.189.439.023
+ <i>Tiền đang chuyển</i>	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>3.541.843.338</u></u>	<u><u>2.293.185.723</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị cổ phiếu	38.650.740.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn (*)	38.650.740.000	(*)	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>38.650.740.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**(\*) : Lý do tăng giảm khoản đầu tư :**

- Tăng theo Nghị quyết số 108/2020/NQ/ALP-HĐQT ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc nhận chuyển nhượng 7.330.074 cổ phần tương ứng với giá trị 73.300.740.000 đồng nhằm nắm giữ với mục đích thương mại.
- Giảm do chuyển nhượng 3.465.000 cổ phần tương ứng với giá trị 34.799.250.000 đồng.

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>- Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.300.881.197.297</b>	<b>(64.617.877.175)</b>	<b>1.245.280.328.928</b>	<b>(63.162.936.440)</b>
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	136.229.816.420	-	136.229.816.420	-
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	124.680.000.000	-	124.680.000.000	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco (a)	222.195.382.508	(64.216.791.536)	221.588.562.508	(62.774.590.773)
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel(b)	402.048.369	(401.085.639)	443.000.000	(388.345.667)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	436.392.000.000	-	436.392.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa (c)	216.866.950.000	-	200.646.950.000	-
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	125.300.000.000	-	125.300.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung (d)	38.815.000.000	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ** (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
<b>- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên</b>	<b>487.855.359.720</b>	<b>(11.305.806.027)</b>	<b>487.855.359.720</b>	<b>(4.901.806.828)</b>	
+ Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	110.250.000.000	(11.069.439.848)	110.250.000.000	(4.901.806.828)	(*)
+ Công ty Cổ phần WWB Alphanam	120.000.000	-	120.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	377.485.359.720	(236.366.179)	377.485.359.720	-	(*)
<b>- Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>428.039.382.183</b>	<b>(244.536)</b>	<b>424.577.382.183</b>	<b>(244.536)</b>	
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	424.287.137.647	-	424.287.137.647	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng 565	244.536	(244.536)	244.536	(244.536)	(*)
+ Công ty Cổ phần Đông Á Golden	3.752.000.000	-	290.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>2.216.775.939.200</b>	<b>(75.923.927.738)</b>	<b>2.157.713.070.831</b>	<b>(68.064.987.804)</b>	

**Giá trị hợp lý:**

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam E&C được xác định trên cơ sở giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 30/6/2020 được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

**Thông tin chi tiết về các Công ty con, Công ty liên kết, Các khoản đầu tư khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:**

Tên Công ty con, Công ty liên kết, Các khoản đầu tư khác	Vốn góp tại Công ty được đầu tư (VND)	Giá trị vốn góp theo mệnh giá (VND)	Quyền biểu quyết trực tiếp (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Hoạt động kinh doanh chính
<b>1. Công ty con</b>					
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	252.000.000.000	151.202.100.000	60,00	60,00	Kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	139.000.000.000	124.680.000.000	89,70	89,70	Sản xuất, lắp ráp, bảo trì và sửa chữa thang máy
+ Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	223.877.000.000	185.256.990.000	82,75	82,75	Đầu tư kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel	402.048.369	402.048.369	80,00	100,00	Trong kỳ không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	550.000.000.000	436.392.000.000	79,34	79,34	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	226.616.950.000	216.866.950.000	70,00	95,70	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	179.000.000.000	125.300.000.000	70,00	70,00	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	39.000.000.000	38.815.000.000	99,53	99,53	Kinh doanh thương mại và bất động sản
<b>2. Công ty liên kết</b>					
+ Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	315.000.000.000	110.250.000.000	35,00	35,00	Sản xuất sơn
+ Công ty Cổ phần WWB Alphanam	120.000.000	120.000.000	40,00	100,00	Trong kỳ không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	1.200.000.000.000	405.027.210.000	33,75	33,75	Kinh doanh bất động sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	217.187.656.450	(7.680.951.320)	394.567.562.107	(7.680.951.320)
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	203.264.119.330	-	361.150.012.282	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	-	-	23.104.339.913	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	13.923.537.120	(7.580.951.320)	2.300.350.970	-
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>				
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	-	-	8.012.858.942	(7.580.951.320)
<b>Cộng</b>	<b>217.187.656.450</b>	<b>(7.680.951.320)</b>	<b>394.567.562.107</b>	<b>(7.680.951.320)</b>
<b>Trong đó:</b>				
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Cộng</b>			-	3.510.000
			-	<b>3.510.000</b>
<b>04. Trả trước cho người bán</b>				
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH thiết bị bảo vệ và phát triển công nghệ cao Khải Hoàn			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH TOTO Việt Nam			1.796.643.628	1.856.527.244
- Công ty CP Le Cirque			771.878.000	771.878.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác			697.087.180	1.013.203.766
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>				
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác			237.517.500	-
- Trả trước cho người bán dài hạn khác			90.160.948	71.445.478
<b>Cộng</b>			<b>1.796.643.628</b>	<b>1.856.527.244</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>261.635.060.503</b>	-	<b>206.346.114.867</b>	-
- Phải thu về cổ tức được chia	784.000.000	-	784.000.000	-
- Tạm ứng	20.000	-	9.819.058	-
- Phải thu khác	260.851.040.503	-	205.552.295.809	-
+ Công ty Cổ phần Delta Việt Nam <sup>(a)</sup>	146.729.000.000	-	146.729.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco <sup>(b)</sup>	72.119.230.000	-	16.758.771.500	-
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn <sup>(c)</sup>	42.000.000.000	-	42.000.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	2.810.503	-	64.524.309	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>261.635.060.503</b>	-	<b>206.346.114.867</b>	-

(a) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Delta Việt Nam theo biên bản thỏa thuận 3 bên giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinacon và Công ty Cổ phần Delta Việt Nam ngày 31 tháng 12 năm 2019. Theo đó, khoản tiền Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam đã chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinacon để góp tăng vốn nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinacon chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn sẽ được Công ty Cổ phần Delta Việt Nam (là công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinacon của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam) nhận nợ lại. Thời gian thanh toán khoản nợ này trước 31/12/2020.

(b) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco theo các Nghị quyết sau :

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1066/2018/NQ/ALP-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc mua thêm 5.630.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 1062/2018/NQ/FDCL-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco về việc tăng vốn. Ngày 14 tháng 7 năm 2020, Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco đã hoàn thành thủ tục tăng vốn điều lệ.
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1183/2020/BB/ALP-HĐQT ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc mua 7.000.000 cổ phần phát hành thêm để tăng vốn của Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 1178/2020/DOF-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco về việc tăng vốn. Khoản này sẽ chuyển thành vốn góp đầu tư khi Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco hoàn thành thủ tục tăng vốn.

(c) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1068/2019/NQ/ALP-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc mua thêm 4.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 130B/2019/NQ/ĐHĐCĐ-FQN ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn về việc tăng vốn. Khoản này sẽ chuyển thành vốn góp đầu tư khi Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn hoàn thành thủ tục tăng vốn.

**06. Các khoản dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng phải thu khách hàng	(7.580.951.320)	(7.580.951.320)
- Dự phòng trả trước cho người bán	(811.878.000)	(811.878.000)
<b>Cộng</b>	<b>(8.392.829.320)</b>	<b>(8.392.829.320)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	14.583.800	-	14.583.800	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.945.537.728	-	6.777.887.728	-
- Hàng hoá	66.226.737.701	(357.920.819)	41.823.242.246	(372.878.085)
<b>Cộng</b>	<b>73.186.859.229</b>	<b>(357.920.819)</b>	<b>48.615.713.774</b>	<b>(372.878.085)</b>

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.545.320.070	375.566.227	8.947.550.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.545.320.070	375.566.227	8.947.550.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.545.320.070	375.566.227	8.947.550.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.545.320.070	375.566.227	8.947.550.000

**III. Giá trị còn lại****1. Tại ngày đầu năm****2. Tại ngày cuối kỳ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 8.947.550.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

09. Chi phí trả trước	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<i>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</i>							Số đầu năm
- Các khoản khác	48.292.202.075	48.292.202.075	27.953.702.783	27.954.142.872	48.291.761.986	48.291.761.986	443.270.162
<i>b. Chi phí trả trước dài hạn</i>	47.991.432.075	47.991.432.075	27.953.702.783	27.954.142.872	47.990.991.986	47.990.991.986	443.270.162
- Chi phí sửa chữa							121.697.027
- Công cụ dụng cụ xuất dùng							47.482.702
- Các khoản khác							66.392.155
<b>Cộng</b>	<b>48.292.202.075</b>	<b>48.292.202.075</b>	<b>27.953.702.783</b>	<b>27.954.142.872</b>	<b>48.291.761.986</b>	<b>48.291.761.986</b>	7.822.170

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Vay ngắn hạn</i>						
- Vay ngân hàng	48.292.202.075	48.292.202.075	27.953.702.783	27.954.142.872	48.291.761.986	48.291.761.986
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (*)	47.991.432.075	47.991.432.075	27.953.702.783	27.954.142.872	47.990.991.986	47.990.991.986
- Vay đối tượng khác	300.770.000	300.770.000	-	-	300.770.000	300.770.000
+ Công ty CP Alphanam - Ciencco 4	40.000.000	40.000.000	-	-	40.000.000	40.000.000
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	260.770.000	260.770.000	-	-	260.770.000	260.770.000
<i>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>						
<b>Cộng</b>	<b>48.292.202.075</b>	<b>48.292.202.075</b>	<b>27.953.702.783</b>	<b>27.954.142.872</b>	<b>48.291.761.986</b>	<b>48.291.761.986</b>

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Lãi suất trong kỳ là 8%/năm - 9,7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>11. Phải trả người bán</b>					
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>					
- Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	345.365.263.762	345.365.263.762	320.813.812.402	320.813.812.402	
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	111.727.080.890	111.727.080.890	148.950.000.890	148.950.000.890	
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	104.916.791.621	104.916.791.621	52.195.028.179	52.195.028.179	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	70.273.677.495	70.273.677.495	35.900.539.639	35.900.539.639	
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>	58.447.713.756	58.447.713.756	83.768.243.694	83.768.243.694	
<b>Cộng</b>	-	-	-	-	
	<b>345.365.263.762</b>	<b>345.365.263.762</b>	<b>320.813.812.402</b>	<b>320.813.812.402</b>	

**Trong đó:**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	24.547.704.687	24.547.704.687	1.218.550.122	1.218.550.122
<b>Cộng</b>	<b>24.547.704.687</b>	<b>24.547.704.687</b>	<b>1.218.550.122</b>	<b>1.218.550.122</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Người mua trả tiền trước**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>255.131.779.196</b>	<b>290.314.256.098</b>
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	106.421.075.218	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	90.837.000.000	160.800.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	34.270.690.730	39.350.690.730
- Công ty Cổ phần BEDA T&C	20.958.433.056	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	2.644.580.192	90.163.565.368
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>255.131.779.196</b>	<b>290.314.256.098</b>

**Trong đó:**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	125.107.690.730	246.518.590.088
<b>Cộng</b>	<b>125.107.690.730</b>	<b>246.518.590.088</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<i>Số phải nộp đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã thực nộp trong kỳ</i>	<i>Số phải nộp cuối kỳ</i>
- Thuế thu nhập cá nhân	248.133.491	231.074.236	136.087.337	343.120.390
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>248.133.491</b>	<b>235.074.236</b>	<b>140.087.337</b>	<b>343.120.390</b>

**14. Chi phí phải trả**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>79.081.260</b>
- Chi phí lãi vay	-	79.081.260
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>79.081.260</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.859.621.179</b>	<b>1.303.288.390</b>
- Kinh phí công đoàn	267.455.991	267.455.991
- Bảo hiểm xã hội	36.788.340	-
- Bảo hiểm y tế	7.066.890	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.682.860	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.545.627.098	1.035.832.399
+ Công ty Cổ phần Hermel	500.000.000	-
+ Các đối tượng khác	1.045.627.098	1.035.832.399
<b>b. Dài hạn</b>	<b>153.132.500</b>	<b>154.632.500</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	153.132.500	154.632.500
<b>Cộng</b>	<b>2.012.753.679</b>	<b>1.457.920.890</b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>108.107.954</b>	<b>324.323.864</b>
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	108.107.954	324.323.864
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>108.107.954</b>	<b>324.323.864</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

						Đơn vị tính: VND
17. Vốn chủ sở hữu						
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	59.391.530.153	2.062.113.163.824	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	9.840.620.895	9.840.620.895	
Tăng khác	-	-	-	-	-	
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>74.155.820.000</b>	<b>3.721.683.671</b>	<b>69.232.151.048</b>	<b>2.071.953.784.719</b>	
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	
Lãi trong kỳ	-	-	-	4.770.269.443	4.770.269.443	
Tăng khác	-	-	-	-	-	
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>74.155.820.000</b>	<b>3.721.683.671</b>	<b>74.002.420.491</b>	<b>2.076.724.054.162</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100
<b>Cộng</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>100</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
- Doanh thu bán hàng hoá	146.811.946.136	83.509.729.817
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	336.215.910	650.400.000
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	86.250.028.995	57.819.570.873
<b>Cộng</b>	<b>233.398.191.041</b>	<b>141.979.700.690</b>
<i>Trong đó:</i>		
	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	-	45.113.916.795
<b>02. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Hàng bán bị trả lại	28.578.000	-
<b>Cộng</b>	<b>28.578.000</b>	<b>-</b>
<b>03. Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	141.463.685.310	81.209.075.329
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.037.004	287.840.009
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	71.926.125.930	55.679.842.031
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.957.266)	-
<b>Cộng</b>	<b>213.391.890.978</b>	<b>137.176.757.369</b>
<b>04. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.053.039	3.695.325
- Lãi bán các khoản đầu tư	149.250.000	-
<b>Cộng</b>	<b>152.303.039</b>	<b>3.695.325</b>
<b>05. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
- Lãi tiền vay	2.048.364.239	2.087.121.695
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	7.858.939.934	9.353.879.116
<b>Cộng</b>	<b>9.907.304.173</b>	<b>11.441.000.811</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Các khoản khác	47.404.267	152.943.079
<b>Cộng</b>	<b>47.404.267</b>	<b>152.943.079</b>
07. Chi phí khác	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Chi phí phạt và nộp chậm tiền thuế	-	6.607.783
- Các khoản khác	103.312.916	96.325
<b>Cộng</b>	<b>103.312.916</b>	<b>6.704.108</b>
08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>3.486.718.520</b>	<b>3.300.616.230</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.249.542.580	2.633.872.142
- Chi phí đồ dùng văn phòng	7.084.176	21.093.591
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
- Chi phí dự phòng	-	(83.762.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.202.615.042	554.150.803
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	23.476.722	171.261.694
<b>b. Chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>1.909.824.317</b>	<b>2.395.132.845</b>
- Chi phí nhân viên	966.108.181	1.136.583.823
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	35.838.336
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	941.420.684	1.054.628.504
- Chi phí khác bằng tiền	2.295.452	168.082.182
<b>Cộng</b>	<b>5.396.542.837</b>	<b>5.695.749.075</b>
09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	3.215.650.761	3.770.455.965
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.161.072.730	1.694.279.307
- Chi phí khác bằng tiền	36.856.350	586.134.672
- Chi phí phải trả nhà thầu xây lắp	72.093.775.930	1.329.994.140
- Chi phí dự phòng	-	(83.762.000)
<b>Cộng</b>	<b>77.507.355.771</b>	<b>7.297.102.084</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****01. Các giao dịch ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>
- Thu tiền chuyển nhượng cổ phiếu năm trước chưa thu tiền	181.991.320.000	-
- Thanh toán tiền mua cổ phiếu năm trước chưa trả	106.650.000	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Bà Đỗ Thị Minh Anh - Phó Tổng Giám Đốc</i></b>		
Vay ngắn hạn	260.770.000	260.770.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>260.770.000</b>	<b>260.770.000</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	1.632.000.000	1.675.200.000
<b>Cộng</b>	<b>1.632.000.000</b>	<b>1.675.200.000</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con và các công ty liên kết. Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Công ty con
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	Công ty là cổ đông chiếm 13,05% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty là cổ đông chiếm 32,21% vốn điều lệ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	-	<b>45.113.916.795</b>
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	-	5.272.727
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	574.400.000
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	-	44.534.244.068
<b>Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ</b>	-	<b>1.266.899.186</b>
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	-	400.717.187
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	-	812.181.999
- Nhóm các Công ty đến ngày 31/12/2019 không còn là bên liên quan	-	54.000.000
<b>Góp vốn</b>	<b>19.682.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	16.220.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	-	<b>3.510.000</b>
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	-	3.510.000
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>114.904.230.000</b>	<b>59.543.771.500</b>
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	42.000.000.000	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	784.000.000	784.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	1.000.000	1.000.000
Công ty Địa ốc Foodinco	72.119.230.000	16.758.771.500
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>114.904.230.000</b>	<b>59.547.281.500</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>24.547.704.687</b>	<b>1.218.550.122</b>
Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	1.191.344.827	1.191.344.827
Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	-	27.205.295
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	23.356.359.860	-
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>125.107.690.730</b>	<b>246.518.590.088</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	34.270.690.730	-
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	-	85.718.590.088
Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	90.837.000.000	160.800.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>149.655.395.417</b>	<b>247.737.140.210</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ: Cho thuê xe ô tô và cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại: Bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực xây dựng: Hoạt động xây dựng;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Dịch vụ	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Đơn vị tính: VND
					Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	146.783.368.136	336.215.910	86.250.028.995	149.250.000	233.518.863.041
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	146.129.459.123	27.758.493	74.676.527.399	7.858.939.934	228.692.684.949
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	653.909.013	308.457.417	11.573.501.596	(7.709.689.934)	4.826.178.092
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.896.698	15.797	4.052.505	-	10.965.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	55.742.962	16.659.687	32.754.611	-	105.157.260
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	363.498.607.953	747.705.080	181.824.480.639	2.179.502.751.462	2.725.573.545.134
- Tài sản không phân bổ	<b>363.498.607.953</b>	<b>747.705.080</b>	<b>181.824.480.639</b>	<b>2.179.502.751.462</b>	<b>2.729.115.388.472</b>
<b>Tổng tài sản</b>	409.819.005.514	1.046.822.412	240.809.987.924	-	651.675.815.850
- Nợ phải trả bộ phận					715.518.460
- Nợ phải trả không phân bổ	<b>409.819.005.514</b>	<b>1.046.822.412</b>	<b>240.809.987.924</b>	-	<b>652.391.334.310</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Thương mại	Dịch vụ	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	83.509.729.817	650.400.000	57.819.570.873	-	141.979.700.690
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	85.784.636.740	323.475.918	58.847.820.156	9.353.879.116	154.309.811.930
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(2.274.906.923)	326.924.082	(1.028.249.283)	(9.353.879.116)	(12.330.111.240)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	56.015.359	436.265	38.783.313	-	95.234.937
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	163.151.374	1.270.674	112.960.998	-	277.383.046
<b>Số dư tại ngày 30/6/2019</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	179.941.980.447	63.516.492.898	103.358.587.357	2.388.397.545.675	2.735.214.606.377
- Tài sản không phân bổ					1.251.857.125
<b>Tổng tài sản</b>	<b>179.941.980.447</b>	<b>63.516.492.898</b>	<b>103.358.587.357</b>	<b>2.388.397.545.675</b>	<b>2.736.466.463.502</b>
- Nợ phải trả bộ phận	468.368.023.878	2.090.762.472	198.862.867.137	16.500.000.000	685.821.653.487
- Nợ phải trả không phân bổ					715.518.460
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>468.368.023.878</b>	<b>2.090.762.472</b>	<b>198.862.867.137</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>686.537.171.947</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	345.365.263.762	-	-	345.365.263.762
Vay và nợ	48.291.761.986	-	-	48.291.761.986
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	1.545.627.098	-	-	1.545.627.098
<b>Cộng</b>	<b>395.202.652.846</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>395.202.652.846</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	320.813.812.402	-	-	320.813.812.402
Vay và nợ	48.292.202.075	-	-	48.292.202.075
Chi phí phải trả	79.081.260	-	-	79.081.260
Các khoản phải trả khác	1.035.832.399	-	-	1.035.832.399
<b>Cộng</b>	<b>370.220.928.136</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>370.220.928.136</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### 08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc.

### 09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Thị Bích

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn